

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22-7-2026

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Kiềm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đăng Mạnh - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 318/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Mai H, sinh năm 1998; nơi thường trú: thôn Thọ Điền 1, xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Thọ Điền, xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh); số căn cước công dân: XXXXXXXXXXXXX (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh ngày 22/7/1998; nơi thường trú: thôn Thọ Điền 1, xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Thọ Điền, xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh); hiện đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể; số căn cước công dân: XXXXXXXXXXXXX (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phạm Mai H trình bày: Chị và anh Vũ Văn T kết hôn ngày 01/8/2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau, thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn, kinh tế; anh T thường xuyên chơi bời, nợ nần, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Gia đình hai bên đã động viên, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Cùng năm 2022, anh T đi lao động ở nước ngoài; vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 10/02/2019 và cháu Vũ Đức T, sinh ngày 16/6/2022, hiện đều đang sống cùng chị H. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung vì anh T đang ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc các con. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, chị H làm công nhân tại Công ty Hồng Hải, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Chị xác định có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con. Các con đang sinh sống cùng chị tại xã Yên Bình, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; cháu K đang học tại Trường Tiểu học Yên Bình.

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công nợ chung và công sức đóng góp trong thời gian chung sống: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn T hiện đang cư trú ở nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể.

Tòa án đã niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của anh T ở Việt Nam; đồng thời giao, thông báo các văn bản tố tụng thông qua bà Trương Thị N là mẹ đẻ anh T. Bà N xác nhận đã thông báo cho anh T qua điện thoại và ứng dụng Zalo; anh T biết việc Tòa án đang giải quyết yêu cầu ly hôn của chị H nhưng không gửi văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp địa chỉ cụ thể ở nước ngoài.

Tại Công văn số 1029/QLXNC-Đ1 ngày 07/4/2026, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Bắc Ninh cung cấp: Anh Vũ Văn T được cấp hộ chiếu số XXXXXXXX ngày 03/10/2022; đã xuất cảnh ngày 04/11/2022, nhập cảnh ngày 12/8/2025 và tiếp tục xuất cảnh ngày 07/9/2025 đều qua Sân bay quốc tế Nội Bài; hiện chưa có thông tin anh T nhập cảnh trở lại Việt Nam.

Kết quả xác minh tại địa phương và làm việc với bà Trương Thị N xác định: Chị H và anh T kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn và tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Thọ Điền 1, xã Ngọc Thiện; sau đó phát sinh mâu thuẫn, anh T đi làm ăn ở nước ngoài, chị H đưa hai con về nhà ngoại sinh sống. Gia đình và địa phương không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Bà N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và không phản đối việc giao cả 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Cháu Vũ Minh K trình bày: Cháu hiện đang sống cùng mẹ. Trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ vì từ trước đến nay mẹ là người trực tiếp chăm sóc; cháu đã quen với cuộc sống, việc học tập và bạn bè tại đây, muốn tiếp tục ở với mẹ để việc sinh hoạt, học tập được ổn định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Mai H được ly hôn anh Vũ Văn T. Về con chung: Giao cho chị Phạm Mai H trực tiếp nuôi 02 con chung là Vũ Minh K, sinh ngày 10/02/2019 và Vũ Đức T, sinh ngày 16/6/2022. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Mai H khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với anh Vũ Văn T là công dân Việt Nam hiện đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể; anh T có nơi thường trú tại xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam và Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Mai H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Vũ Văn T hiện đang ở nước ngoài; nguyên đơn chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của bị đơn tại Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể ở nước ngoài. Qua xác minh có căn cứ xác định anh T vẫn liên hệ với mẹ đẻ ở trong nước, đã được bà Trương Thị N thông báo và biết việc Tòa án giải quyết vụ án nhưng không cung cấp địa chỉ, không gửi lời khai, tài liệu, chứng cứ và không tham gia tố tụng. Tòa án đã niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của anh T và thông báo thông qua thân nhân. Vì vậy, có cơ sở xác định anh T cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp tài liệu cần thiết và đã vắng mặt khi được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bị đơn không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Chị Phạm Mai H và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang vào ngày 01/8/2018, bảo đảm các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị H xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và việc làm ăn kinh tế; anh T chơi bời, nợ nần, chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Cùng năm 2022, anh T đi lao động ở nước ngoài; vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Lời khai của chị H phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương và ý kiến của mẹ đẻ anh T. Anh T đã biết việc chị H yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến phản đối, không có biện pháp hàn gắn quan hệ vợ chồng. Có căn cứ xác định chị H và anh T không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của vợ chồng là phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng chung sống theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Vũ Minh K, sinh ngày 10/02/2019 và cháu Vũ Đức T, sinh ngày 16/6/2022, hiện đều đang ở với chị H. Chị H có công việc, thu nhập ổn định, trực tiếp chăm sóc các con từ khi vợ chồng ly thân; các con đã có nơi ở và việc học tập ổn định. Anh T hiện ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con. Cháu Vũ Minh K có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Vì vậy, giao cháu K và cháu Thịnh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu K, hoàn cảnh thực tế và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của các con theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phạm Mai H là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Mai H được ly hôn anh Vũ Văn T.
2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Mai H trực tiếp nuôi 02 con chung là Vũ Minh K, sinh ngày 10/02/2019 và Vũ Đức T, sinh ngày 16/6/2022. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Phạm Mai H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001833 ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Mai H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. Anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 3 - Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mai Hương